ANNEX 1: LIST OF TRAINING PACKAGES

Phụ lục 1: Danh sách gói đào tạo

LIST OF TRAINING PACKAGES

#	Code	National Title	Training Package title	Start Date
1	ACM	Animal Care and Management Training Package	Animal Care and Management	2017/11/29
2	AHC	Agriculture, Horticulture and Conservation and Land Management Training Package	Agriculture, Horticulture and Conservation and Land Management	2016/06/27
3	AMP	Australian Meat Processing Training Package	Australian Meat Processing	2015/12/01
4	AUM	Automotive Manufacturing	Automotive Manufacturing	2014/01/10
5	AUR	Automotive Retail, Service and Repair Training Package	Automotive Industry Retail, Service and Repair Training Package	2014/01/10
6	AVI	Aviation Training Package	Aviation Training Package	2015/09/04
7	BSB	Business Services Training Package	Business Services Training Package	2015/03/25
8	CHC	Community Services	Community Services Training Package	2013/07/01
9	CPC	Construction, Plumbing and Services Training Package	Construction, Plumbing and Services Training Package	2015/06/05
10	CPC08	Construction, Plumbing and Services Training Package	Construction, Plumbing and Services Training Package	2009/02/01
11	CPP	Property Services Training Package	Property Services Training Package	2015/03/05
12	CSC	Correctional Services Training Package	Correctional Services Training Package	2015/08/03
13	CUA	Creative Arts and Culture Training Package	Creative Arts and Culture Training Package	2013/11/21
14	DEF	Defence Training Package	Defence Training Package	2015/10/22
15	FBP	Food, Beverage and Pharmaceutical	Food, Beverage and Pharmaceutical	2018/01/23
16	FNS	Financial Services Training Package	Financial Services Training Package	2015/03/25
17	FSK	Foundation Skills Training Package	Foundation Skills Training Package	2013/03/14
18	FWP	Forest and Wood Products Training Package	Forest and Wood Products Training Package	2016/02/02
19	HLT	Health	Health Training Package	2013/07/01
20	ICP	Printing and Graphic Arts	Printing and Graphic Arts	2015/03/26
21	ICT	Information and Communications Technology	Integrated Telecommunications Training Package	2015/03/25
22	LGA	Local Government	Local Government Training Package	2021/02/10
23	MAR	Maritime Training Package	Maritime Training Package	2013/10/07
24	MEA	Aeroskills Training Package	Aeroskills Training Package	2015/02/12
25	MEM	Manufacturing and Engineering	Metal and Engineering Training Package	2015/04/30
26	MEM05	Metal and Engineering Training Package	Metal and Engineering Training Package	2005/12/01
27	MSA07	Manufacturing Training Package	Manufacturing Training Package	2011/04/07
28	MSF	Furnishing Training Package	Furnishing Training Package	2013/12/10
29	MSL	Laboratory Operations	Laboratory Operations Training Package	2016/03/01
30	MSM	Manufacturing Training Package	Manufacturing Training Package	2015/12/15
31	MSS	Sustainability	Sustainability Training Package	2016/06/22
32	MST	Textiles, Clothing and Footwear	Textiles, Clothing and Footwear	2016/07/04
33	NWP	National Water Training Package	Water Training Package	2015/12/07
34	PMA	Chemical, Hydrocarbons and Refining	Chemical, Hydrocarbons and Refining Training Package	2016/06/02
35	PMB	Plastics, Rubber and Cablemaking	Plastics, Rubber and Cablemaking Training Package	2016/06/22
36	POL	Police Training Package	Police Training Package	2015/10/19
37	PPM	Pulp & Paper Manufacturing Industry Training Package	Pulp & Paper Manufacturing Industry Training Package	2016/05/06
38	PSP	Public Sector Training Package	Public Sector Training Package	2016/03/07
39	PUA	Public Safety	Public Safety Training Package	2019/07/16
40	RGR	Racing and Breeding Training Package	Racing Training Package	2017/12/18
41	RII	Resources and Infrastructure Industry Training Package	Resources and Infrastructure Industry Training Package	2013/11/14
42	SFI	Seafood Industry	Seafood Industry Training Package	2019/06/21

43	SFL	Floristry Training Package	Floristry Training Package	2015/09/25
44	SHB	Hairdressing and Beauty Services Training Package	Hairdressing and Beauty Services	2015/09/25
45	SIF	Funeral Services	Funeral Services Training Package	2013/06/21
46	SIR	Retail Services Training Package	Retail Services Training Package	2016/03/31
47	SIS	Sport, Fitness and Recreation Training Package	Sport, Fitness and Recreation Training Package	2015/09/03
48	SIT	Tourism, Travel and Hospitality Training Package	Tourism, Travel and Hospitality Training Package	2016/03/03
49	TAE	Training and Education Training Package	Training and Education	2013/08/27
50	TLI	Transport and Logistics Training Package	TRANSPORT AND LOGISTICS TRAINING PACKAGE	2015/10/19
51	UEE	Electrotechnology Training Package	Electrotechnology Training Package	2017/04/18
52	UEG	Gas Industry Training Package	Gas Industry Training Package	2018/09/05
53	UEP	Electricity Supply Industry - Generation Sector Training Package	Electricity Supply Industry - Generation Sector Training Package	2018/10/31
54	UET	Transmission, Distribution and Rail Sector	Transmission, Distribution and Rail Sector Training Package	2019/09/25

DANH SÁCH GÓI ĐÀO TẠO

#	Mã	Tên gọi trên toàn quốc	Tên gọi gói đào tạo	Ngày bắt đầu
1	ACM	Gói đào tạo Chăm sóc và quản lý động vật (Animal Care and Management Training Package)	Chăm sóc và quản lý động vật (Animal Care and Management)	29/11/2017
2	AHC	Gói đào tạo Nông nghiệp, làm vườn, bảo tồn và quản lý đất đai (Agriculture, Horticulture and Conservation and Land Management Training Package)	Nông nghiệp, làm vườn, bảo tồn và quản lý đất đai (Agriculture, Horticulture and Conservation and Land Management)	27/06/2016
3	AMP	Gói đào tạo Chế biến thịt Australia (Australian Meat Processing Training	Chế biến thịt Australia (Australian Meat Processing)	01/12/2015
4	AUM	Chế tạo ô tô (Automotive Manufacturing)	Chế tạo ô tô (Automotive Manufacturing)	10/01/2014
5	AUR	Gói đào tạo Bán lẻ, bảo hành và sửa chữa ô tô (Automotive Retail, Service and Repair Training Package)	Gói đào tạo Bán lẻ, bảo hành và sửa chữa ô tô (Automotive Industry Retail, Service and Repair Training Package)	10/01/2014
6	AVI	Gói đào tạo Hàng không (Aviation Training Package)	Gói đào tạo Hàng không (Aviation Training Package)	04/09/2015
7	BSB	Gói đào tạo Dịch vụ kinh doanh (Business Services Training Package)	Gói đào tạo Dịch vụ kinh doanh (Business Services Training Package)	25/03/2015
8	CHC	Dịch vụ cộng đồng (Community Services)	Gói đào tạo Dịch vụ cộng đồng (Community Services Training Package)	01/07/2013
9	CPC	Gói đào tạo Xây dựng, hệ thống ống nước và dịch vụ (Construction, Plumbing and Services Training Package)	Gói đào tạo Xây dựng, hệ thống ống nước và dịch vụ (Construction, Plumbing and Services Training Package)	05/06/2015
10	CPC08	Gói đào tạo Xây dựng, hệ thống ống nước và dịch vụ (Construction, Plumbing and Services Training Package)	Gói đào tạo Xây dựng, hệ thống ống nước và dịch vụ (Construction, Plumbing and Services Training Package)	01/02/2009
11	CPP	Gói đào tạo Dịch vụ bất động sản (Property Services Training Package)	Gói đào tạo Dịch vụ bất động sản (Property Services Training Package)	05/03/2015
12	CSC	Gói đào tạo Dịch vụ cải huấn (Correctional Services Training Package)	Gói đào tạo Dịch vụ cải huấn (Correctional Services Training Package)	03/08/2015
13	CUA	Gói đào tạo Văn hóa và nghệ thuật sáng tạo (Creative Arts and Culture Training Package)	Gói đào tạo Văn hóa và nghệ thuật sáng tạo (Creative Arts and Culture Training Package)	21/11/2013
14	DEF	Gói đào tạo Quốc phòng (Defence Training Package)	Gói đào tạo Quốc phòng (Defence Training Package)	22/10/2015
15	FBP	Thực phẩm, đồ uống và dược phẩm (Food, Beverage and Pharmaceutical)	Thực phẩm, đồ uống và dược phẩm (Food, Beverage and Pharmaceutical)	23/01/2018
16	FNS	Gói đào tạo Dịch vụ tài chính (Financial Services Training Package)	Gói đào tạo Dịch vụ tài chính (Financial Services Training Package)	25/03/2015
17	FSK	Gói đào tạo Kỹ năng nền tảng (Foundation Skills Training Package)	Gói đào tạo Kỹ năng nền tảng (Foundation Skills Training Package)	14/03/2013
18	FWP	Gói đào tạo Lâm sản và sản phẩm từ gỗ (Forest and Wood Products Training Package)	Gói đào tạo Lâm sản và sản phẩm từ gỗ (Forest and Wood Products Training Package)	02/02/2016
19	HLT	Y tế (Health)	Gói đào tạo Y tế (Health Training Package)	01/07/2013
20	ICP	In ấn và đồ họa (Printing and Graphic Arts)	In ấn và đồ họa (Printing and Graphic Arts)	26/03/2015
21	ICT	Công nghệ thông tin và truyền thông (Information and Communications Technology)	Gói đào tạo Viễn thông tích hợp (Integrated Telecommunications Training Package)	25/03/2015
22	LGA	Chính quyền địa phương (Local Government)	Gói đào tạo Chính quyền địa phương (Local Government Training Package)	10/02/2021
23	MAR	Gói đào tạo Hàng hải (Maritime Training Package)	Gói đào tạo Hàng hải (Maritime Training Package)	07/10/2013
24	MEA	Gói đào tạo Kỹ năng hàng không (Aeroskills Training Package)	Gói đào tạo Kỹ năng hàng không (Aeroskills Training Package)	12/02/2015
25	MEM	Chế biến chế tạo và kỹ thuật (Manufacturing and Engineering)	Gói đào tạo Kim loại và kỹ thuật (Metal and Engineering Training Package)	30/04/2015
26	MEM05	Gói đào tạo Kim loại và kỹ thuật (Metal and Engineering Training Package)	Gói đào tạo Kim loại và kỹ thuật (Metal and Engineering Training Package)	01/12/2005
27	MSA07	Gói đào tạo Chế biến chế tạo (Manufacturing Training Package)	Gói đào tạo Chế biến chế tạo (Manufacturing Training Package)	07/04/2011
28	MSF	Gói đào tạo Nội thất (Furnishing Training Package)	Gói đào tạo Nội thất (Furnishing Training Package)	10/12/2013
29	MSL	Vận hành phòng thí nghiệm (Laboratory Operations)	Gói đào tạo Vận hành phòng thí nghiệm (Laboratory Operations Training Package)	01/03/2016

30	MSM	Gói đào tạo Chế biến chế tạo (Manufacturing Training Package)	Gói đào tạo Chế biến chế tạo (Manufacturing Training Package)	15/12/2015
31	MSS	Phát triển bền vững (Sustainability)	Gói đào tạo Phát triển bền vững (Sustainability Training Package)	22/06/2016
32	MST	Dệt may, quần áo và giày dép (Textiles, Clothing and Footwear)	Dệt may, quần áo và giày dép (Textiles, Clothing and Footwear)	04/07/2016
33	NWP	Gói đào tạo Nước quốc gia (National Water Training Package)	Gói đào tạo về Nước (Water Training Package)	07/12/2015
34	PMA	Hóa chất, hydrocarbon và tinh chế (Chemical, Hydrocarbons and Refining)	Gói đào tạo về Hóa chất, hydrocacbon và tinh chế (Chemical, Hydrocarbons and Refining Training Package)	02/06/2016
35	PMB	Nhựa, cao su và sản xuất cáp (Plastics, Rubber and Cablemaking)	Gói đào tạo về Nhựa, cao su và sản xuất cáp (Plastics, Rubber and Cablemaking Training Package)	22/06/2016
36	POL	Gói đào tạo về Cảnh sát (Police Training Package)	Gói đào tạo về Cảnh sát (Police Training Package)	10/10/2015
37	PPM	Gói đào tạo Ngành sản xuất giấy & bột giấy (Pulp & Paper Manufacturing Industry Training Package)	Gói đào tạo Ngành sản xuất giấy & bột giấy (Pulp & Paper Manufacturing Industry Training Package)	06/05/2016
38	PSP	Gói đào tạo Khu vực công (Public Sector Training Package)	Gói đào tạo Khu vực công (Public Sector Training Package)	07/03/2016
39	PUA	An ninh công cộng (Public Safety)	Gói đào tạo An ninh công cộng (Public Safety Training Package)	16/07/2019
40	RGR	Gói đào tạo Đua ngựa và gây giống (Racing and Breeding Training Package)	Gói đào tạo Đua ngựa (Racing Training Package)	18/12/2017
41	RII	Gói đào tạo Ngành tài nguyên và cơ sở hạ tầng (Resources and Infrastructure Industry Training Package)	Gói đào tạo Ngành tài nguyên và cơ sở hạ tầng (Resources and Infrastructure Industry Training Package)	14/11/2013
42	SFI	Ngành thủy sản (Seafood Industry)	Gói đào tạo Ngành thủy sản (Seafood Industry Training Package)	21/06/2019
43	SFL	Gói đào tạo Trồng hoa (Floristry Training Package)	Gói đào tạo Trồng hoa (Floristry Training Package)	25/09/2015
44	SHB	Gói đào tạo Dịch vụ làm tóc và làm đẹp (Hairdressing and Beauty Services Training Package)	Dịch vụ làm tóc và làm đẹp (Hairdressing and Beauty Services)	25/09/2015
45	SIF	Dịch vụ tang lễ (Funeral Services)	Gói đào tạo Dịch vụ tang lễ (Funeral Services Training Package)	21/06/2013
46	SIR	Gói đào tạo Dịch vụ bán lẻ (Retail Services Training Package)	Gói đào tạo Dịch vụ bán lẻ (Retail Services Training Package)	31/03/2016
47	SIS	Gói đào tạo Thể thao, thể dục và giải trí (Sport, Fitness and Recreation Training Package)	Gói đào tạo Thể thao, thể dục và giải trí (Sport, Fitness and Recreation Training Package)	03/09/2015
48	SIT	Gói đào tạo Du lịch, lữ hành và khách sạn (Tourism, Travel and Hospitality Training Package)	Gói đào tạo Du lịch, lữ hành và khách sạn (Tourism, Travel and Hospitality Training Package)	03/03/2016
49	TAE	Gói đào tạo Giáo dục và đào tạo (Training and Education Training Package)	Giáo dục và đào tạo (Training and Education)	27/08/2013
50	TLI	Gói đào tạo Vận tải và logistics (Transport and Logistics Training Package)	GÓI ĐÀO TẠO VẬN TẢI VÀ LOGISTICS (TRANSPORT AND LOGISTICS TRAINING PACKAGE)	10/10/2015
51	UEE	Gói đào tạo Công nghệ điện (Electrotechnology Training Package)	Gói đào tạo Công nghệ điện (Electrotechnology Training Package)	18/04/2017
52	UEG	Gói đào tạo Ngành khí đốt (Gas Industry Training Package)	Gói đào tạo Ngành khí đốt (Gas Industry Training Package)	05/09/2018
53	UEP	Gói đào tạo Ngành cấp điện - phát điện (Electricity Supply Industry - Generation Sector Training Package)	Gói đào tạo Ngành cấp điện - phát điện (Electricity Supply Industry - Generation Sector Training Package)	31/20/2018
54	UET	Ngành truyền tải, phân phối và lưới điện (Transmission, Distribution and Rail Sector)	Gói đào tạo Ngành truyền tải, phân phối và lưới điện (Transmission, Distribution and Rail Sector Training Package)	25/09/2019